

Bản án số: **56/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 03-05-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Nghĩa và ông Nguyễn Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Tô Hải Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: chị và anh Tô Hải Đ xây dựng gia đình vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 04/3/2015. Việc hôn nhân của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống anh Đ thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn và chăm lo gia đình. Mặc dù chị C đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi mà còn xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Trong thời gian qua, vợ chồng không thể

hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tô Hải Đ.

Về con chung: có 02 con chung tên là Tô Ngọc Hải Q, sinh ngày 12/9/2015 và Tô Ngọc Bảo C1, sinh ngày 22/03/2018. Sau khi ly hôn, chị thống nhất giao các con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tô Hải Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị C và anh T Hải Đăng được ly hôn; Giao cháu Tô Ngọc Hải Q, sinh ngày 12/9/2015 và Tô Ngọc Bảo C1, sinh ngày 22/3/2018 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Công nhận sự tự nguyện của chị C về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: chị Nguyễn Thị C và anh Tô Hải Đ tổ chức xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04 ngày 04/3/2015. Ngày 07/11/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C nộp đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn với anh Tô Hải Đ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 186, Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Tô Hải Đ có nơi cư trú tại thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị C và anh Tô Hải Đ kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống anh Đ thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn và chăm lo gia đình. Mặc dù chị C đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi mà còn xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Trong thời gian, qua vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2023 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ để tiến hành hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh Đ không quan tâm, chăm sóc gia đình, không có nguyện vọng hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị C.

Tại văn bản xác minh ngày 14/11/2023 của Hội Liên hiệp phụ nữ xã T, huyện B cung cấp thông tin tình trạng hôn nhân xác định: chị C và anh Đ sau khi kết hôn thì không thường xuyên sinh sống tại địa phương, không tham gia các hoạt động tại địa phương.

Từ những nhận định trên chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Tô Hải Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị C và anh Đ có 02 con chung tên là Tô Ngọc Hải Q, sinh ngày 12/9/2015 và Tô Ngọc Bảo C1, sinh ngày 22/03/2018. Sau khi ly hôn, chị C thống nhất giao các con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, quá trình xác minh xác định hiện nay cháu Q và cháu C1 đang sinh sống cùng với anh Đ và anh Đ có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con bảo đảm sự ổn định trong sinh hoạt cũng như sự phát triển của các con. Còn chị C không còn trực tiếp nuôi dưỡng và tại phiên tòa đã thống nhất giao các con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của cháu Q và cháu C1 được ổn định, Hội đồng xét xử giao cháu Q và cháu C1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, chị C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên tòa, chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Tô Ngọc Hải Q và cháu Tô Ngọc Bảo C1 mỗi tháng là 3.000.000 đồng (tương ứng mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05 năm 2024 cho đến khi cháu Q và cháu C1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, mặc dù anh Tô Hải Đ là người trực tiếp nuôi con chung, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu Q và cháu C1 đều đang trong độ tuổi đi học nên cần phải có chi phí cho việc học tập và sinh hoạt hằng ngày. Đồng thời, sau khi ly hôn, cha mẹ có nghĩa vụ cấp

dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không chung sống với con và việc cấp dưỡng của chị C là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được cấp dưỡng của chị C theo quy định tại các điều 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992 được ly hôn với anh Tô Hải Đ, sinh năm 1990.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04 ngày 04/03/2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam chấm dứt giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: có 02 con chung tên là Tô Ngọc Hải Q, sinh ngày 12/9/2015 và Tô Ngọc Bảo C1, sinh ngày 22/03/2018. Giao cháu Q và cháu C1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tô Ngọc Hải Q, sinh ngày 12/9/2015 và Tô Ngọc Bảo C1, sinh ngày 22/03/2018 mỗi tháng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), tương ứng mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05 năm 2024 cho đến khi cháu Q và cháu C1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo biên lai thu số 0004760 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Chị C phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- UBND xã Trà Sơn, huyện Bắc Trà My;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nghĩa Nguyễn Văn N

Lê Thanh H

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- UBND xã Trà Sơn, huyện Bắc Trà My;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hải

